

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11- ĐỒNG NAI
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2025

“V/v: Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Viết Trung

Ông Nguyễn Hoàng Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai Tham gia phiên tòa: Ông Phan Tuấn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2025/HNGĐ-ST ngày 10-3-2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29-8-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-DS ngày 22-9-2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1981 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Phú Thịnh, xã Phú R, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1980 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Phú Thịnh, xã Phú R, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung H, huyện Thủy N, thành phố Hải Phòng vào ngày 07-01-2000. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên xích mích, bất đồng ý kiến, mâu thuẫn kéo dài đến nay

làm cho gia đình không hạnh phúc. Bà S và ông Đ đã ly thân từ đó đến nay. Nay bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được nên bà S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

- *Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giữa bà S và ông Đ có 02 người con chung tên: Nguyễn Thị T, sinh ngày 20-02-2001 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 04-8-2003. Đối với cháu T và P đã trưởng thành có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Đ nhưng ông Đ không lên Tòa án để giải quyết vì vậy không có lời khai của ông Đ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung H, huyện Thủy N, thành phố Hải Phòng (cũ) vào ngày 07-01-2000. Qua trình bày của bà S và xác minh tại thôn Phú Thịnh, xã Phú R, tỉnh Đồng Nai thì có căn cứ xác định, quá trình chung sống hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm, cả hai không còn sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

+ *Về con chung và nuôi dưỡng con chung*: Trong thời gian chung sống, bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn Đ có hai người con chung, gồm: Nguyễn Thị T, sinh ngày 20-02-2001 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 04-8-2003. Hiện nay các con chung của bà S, ông Đ đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Quá trình giải quyết vụ án, bà S rút yêu cầu chia phần tài sản và nợ chung với ông Đ nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của bà S.

Bà S có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án khi bị đơn có mặt.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

Đây là vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp Ly hôn*”, bị đơn hiện cư trú tại thôn Phú Thịnh, xã Phú R, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai.

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị S cho rằng, trong thời gian chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, bà S và ông Đ tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung H, huyện Thủy N, thành phố Hải Phòng (nay là phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng) vào ngày 07-01-2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Đ đến tòa để làm việc, tham gia phiên hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai. Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi ông bà sinh sống cũng thể hiện trong thời gian chung sống ông bà thường hay cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà S là phù hợp.

- *Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Do các con chung của bà S và ông Đ đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Quá trình giải quyết vụ án, bà S rút yêu cầu chia phần tài sản và nợ chung với ông Đ để các bên tự thỏa thuận nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của bà S.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 218, 227, 228; 235, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S về việc “Tranh chấp Ly hôn”.

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn Đ chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] *Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Do các con chung của bà S và ông Đ đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của bà Đ.

[4] *Về Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Trả lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 17.300.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm nghìn đồng) bà S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028547, ngày 21-7-2025 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 11- Đồng Nai.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S và bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai (1);
- Thị hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (1);
- Các đương sự (2);
- UBND phường Lưu kiế- Hải Phòng theo số 02, quyển số 01 ngày 07-01-2000 (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa****Nguyễn Thị Hảo**